

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST

Ngày: 19-4-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký TAND huyện Thái Thụy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 22/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST- HS ngày 08/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/4/1977 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà A, tổ dân phố số E, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và con bà: Phan Thị H, sinh năm 1945; Bị cáo có chồng là Phạm Văn N, sinh năm 1978, có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2005 và con nhỏ nhất sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/6/2022, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên chị Nguyễn Thị H1 đến quán bán nước của Nguyễn Thị T ở vỉa hè, trước cửa phòng giao dịch của Ngân hàng Thương mại cổ phần C ở thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng. Nguyễn Thị T không có giấy phép trong lĩnh vực kinh doanh cho vay, cấp tín dụng đã có hành vi cho vay tiền nhằm mục đích thu lời bất chính là số tiền lãi vượt quá quy định của Nhà nước, T yêu cầu lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tiền lãi trả theo tháng tính trên số ngày thực tế vay, khoản vay không xác định thời hạn trả nợ gốc, không cộng dồn lãi vào gốc. Chị H1 đồng ý viết giấy vay tiền, nhận 30.000.000 đồng tiền mặt trực tiếp từ T, không phải thế chấp tài sản gì.

Từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/8/2023, chị H1 trả tiền lãi cho T theo đúng thỏa thuận, mỗi tháng khoảng 2.700.000 đồng; trong đó từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2023, chị H1 trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản số 108800341977 của Nguyễn Thị T mở tại Ngân hàng V, chi nhánh T1, các tháng còn lại đều trả tiền mặt cho T ở quán nước của T. Đến tháng 9/2023, do khó khăn nên chị H1 không trả tiền lãi cho T theo thỏa thuận. Ngày 29/9/2023, T đến nhà chị H1 đòi tiền nợ gốc, không tính tiền lãi từ tháng 9/2023 và nhiều lần nhắn tin qua zalo để đòi tiền nhưng chị H1 chưa trả được khoản vay này. Ngày 12/12/2023, chị H1 làm đơn gửi đến Công an huyện T tố giác hành vi phạm tội của T.

Như vậy, đến ngày 02/8/2023 T đã thu của chị H1 15 lần tiền lãi (426 ngày) với số tiền là 40.500.000 đồng, tương đương với lãi suất 116%/năm, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 7.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 33.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKSTT ngày 22/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và trình bày: Do hám lợi muốn thu lời nhanh nên bị cáo đã cho chị Nguyễn Thị H1 vay 30.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày trong 426 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 116%/năm, gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, số tiền lãi là số tiền thực tính trên số ngày thực tế cho vay, đến nay chị Nguyễn Thị H1 chưa trả nợ gốc 30.000.000 đồng cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 35, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị HĐXX tuyên:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.
- Buộc chị Nguyễn Thị H1 nộp số tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.
- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T trả lại số tiền 33.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H1.

Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1; Bảng sao kê của Ngân hàng thương mại cổ phần C, chi nhánh T1, Kết luận giám định số 230/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 02/6/2022, Nguyễn Thị T không có giấy phép trong lĩnh vực kinh doanh cho vay, cấp tín dụng đã có hành vi cho vay tiền nhằm mục đích thu lợi bất chính là số tiền lãi vượt quá quy định của Nhà nước, cho chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày dựa trên số ngày thực tế đã vay là 426 ngày, tương đương với mức lãi suất 116%/năm, gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đến ngày 02/8/2023, T đã thu của chị H1 15 lần tiền lãi với số tiền là 40.500.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 7.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 33.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 201. Tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng và hoạt động kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức hành vi cho lãi nặng là nguy hiểm

cho xã hội nhưng vì động cơ vụ lợi, mục đích thu lợi bất chính một cách nhanh nhất đã bất chấp phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, việc đưa ra xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội. Do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên áp dụng khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về việc xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 7.000.000 đồng là số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để sung quỹ Nhà nước. Buộc chị Nguyễn Thị H1 nộp số tiền 30.000.000 đồng là số tiền gốc chị H1 chưa trả lại cho bị cáo T để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền thu lợi bất chính vượt mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định, HĐXX thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Thị T trả lại số tiền 33.500.000đ cho chị Nguyễn Thị H1 là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 35, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan

thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về việc xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nộp số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T trả lại số tiền 33.500.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/4/2024. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND thị trấn D;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI THẨM **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

